



Câu 1 (2,00 điểm)

- Phân tích sự khác nhau giữa các vành đai nhiệt theo vĩ độ và vành nhiệt theo độ cao.
- Nêu nguyên nhân sinh ra hiện tượng triều cường và những tác động của nó.

Câu 2 (1,00 điểm)

Phân biệt tỉ số giới tính và tỉ lệ giới tính. Tại sao ở một số nước đang phát triển tỉ số giới tính của trẻ em mới sinh tăng lên trong những năm gần đây?

Câu 3 (2,00 điểm)

- Tại sao phần lớn các nước đang phát triển, ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp?
- Phân tích tác động của cơ sở nguồn thức ăn từ tự nhiên và từ công nghiệp chế biến tới cơ cấu vật nuôi, hình thức và phân bố ngành chăn nuôi.

Câu 4 (3,00 điểm)

Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI THỜI KÌ 2000 – 2019

Năm	2000	2007	2013	2015	2019
Dân số (triệu người)	6 240	6 625	7 137	7 336	7 692
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	2 060	2 120	2 478	2 527	2 706

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2019 và FAO năm 2015)

- Tính bình quân lương thực (kg/người) của toàn thế giới qua các năm trên.
- Vẽ biểu đồ thích hợp so sánh tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân sản lượng lương thực trên đầu người của toàn thế giới giai đoạn 2000 - 2019.
- Rút ra các nhận xét và giải thích.

Câu 5 (2,00 điểm)

- Trình bày hoạt động của gió mùa mùa Đông ở nước ta.
- Tại sao mùa khô ở miền khí hậu phía Bắc bớt khắc nghiệt hơn so với miền khí hậu phía Nam?

----- HẾT -----

Họ và tên thí sinh:; Số báo danh

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM * ĐỀ THI NĂNG KHIẾU LẦN IV
LỚP 10 CHUYÊN ĐỊA LÍ *** Ngày thi : 25/01/2021**

Câu	Ý	Nội dung chính cần đạt	Điểm
1	a	Phân tích sự khác nhau giữa các vành đai nhiệt theo vĩ độ và vành nhiệt theo độ cao.	1,25
		- Khác nhau về nguyên tắc giảm nhiệt: + Giảm theo vĩ độ chủ yếu do sự thay đổi góc nhập xạ... + Còn giảm theo độ cao chủ yếu do sự thay đổi bức xạ sóng dài... - Khác nhau về tốc độ giảm nhiệt: + Theo vĩ độ có mức độ giảm chậm từ Xích đạo về 2 cực (dẫn chứng tại bán cầu Bắc, đi từ Xích đạo về cực cứ 1300 km nhiệt độ giảm 6 ⁰ C) + Theo độ cao có mức độ giảm nhiệt nhanh (lên cao 1000 m cũng có sự hạ nhiệt tương đương 6 ⁰ C) - Khác biệt về sự tác động của chế độ nhiệt đối với các thành phần của lớp vỏ Địa lí...	0,25 0,25 0,25 0,25
	b	Nêu nguyên nhân sinh ra hiện tượng triều cường và những tác động của nó.	0,75
		- Nguyên nhân: Do tác động tổng hợp về lực của Mặt Trăng, Mặt Trời với Trái Đất khi chúng ở vị trí thẳng hàng. - Tác động: + Thuận lợi: khi biết tận dụng cho việc sản xuất muối, giao thông, khai thác nuôi trồng thủy sản ven bờ và sản xuất điện... + Khó khăn: gây ngập lụt cho các vùng thấp ven biển, nhiễm mặn đất đai vào mùa khô...	0,25 0,25 0,25
2		Phân biệt tỉ số giới tính và tỉ lệ giới tính. Tại sao ở một số nước đang phát triển tỉ số giới tính của trẻ em mới sinh tăng lên trong những năm gần đây?	1,00
		* Phân biệt dựa trên công thức tính: Tỉ số giới tính được tính bằng số Nam trên 100 nữ: $\frac{SỐ NAM}{SỐ NỮ} \times 100 (\%)$ Tỉ lệ giới tính được tính bằng sự tương quan của số Nam (hoặc Nữ) trên tổng số dân: $\frac{SỐ NAM}{TỔNG SỐ DÂN} \times 100 (\%) ; \frac{SỐ NỮ}{TỔNG SỐ DÂN} \times 100 (\%)$ * Ở các quốc gia đang phát triển: - Vẫn còn tồn tại tâm lí, quan điểm và những phong tục lạc hậu (bình đẳng giới chưa được thực hiện tốt) - Tính chất công việc trong nhiều ngành nghề của nền kinh tế thiên về sản xuất vật chất vẫn ưu tiên sử dụng nhiều lao động nam giới. - Sự phát triển của y học cho phép chẩn đoán sớm giới tính trước khi sinh...	0,25 0,25 0,25
3	a	Tại sao phần lớn các nước đang phát triển, ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp?	1,00
		- Hầu hết các nước đang phát triển tập trung dân số đông, việc quan trọng hàng đầu là phải tập trung đảm bảo an ninh lương thực → ưu tiên phát triển trồng trọt (nhất là cây lương thực). - Việc phát triển chăn nuôi cần điều kiện hàng đầu là cơ sở nguồn thức ăn, điều này cũng là khó khăn với nhiều nước đang phát triển. - Cơ sở vật chất kĩ thuật, vốn đầu tư, đặc biệt là công tác thú y của các nước đang phát triển cũng còn nhiều hạn chế → trở ngại lớn cho phát triển chăn nuôi. - Thị trường tiêu thụ nội địa chưa cao do mức sống của người dân ở các nước đang phát triển còn thấp... cũng gây trở ngại trong phát triển chăn nuôi.	0,25 0,25 0,25 0,25
	b	Phân tích tác động của cơ sở nguồn thức ăn từ tự nhiên và từ công nghiệp chế biến tới cơ cấu vật nuôi, hình thức và phân bố ngành chăn nuôi.	1,00
		* Thức ăn từ tự nhiên (đồng cỏ...) - Vật nuôi: Trâu, Bò, Nghé, Dê, cừu với hình thức chăn thả... - Phân bố: ở các địa bàn rộng, phân tán... * Thức ăn từ công nghiệp chế biến: - Vật nuôi: Lợn, gia cầm... Hình thức trang trại (nuôi công nghiệp)... - Phân bố ở ven các đô thị...	0,25 0,25 0,25 0,25

4	a	Tính bình quân lương thực (kg/ người) của toàn thế giới qua các năm trên	0,25																							
		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>2000</th> <th>2007</th> <th>2013</th> <th>2015</th> <th>2019</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bình quân lương thực (kg/người)</td> <td>330,2</td> <td>320,0</td> <td>347,2</td> <td>344,5</td> <td>351,8</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	2000	2007	2013	2015	2019	Bình quân lương thực (kg/người)	330,2	320,0	347,2	344,5	351,8												
	Năm	2000	2007	2013	2015	2019																				
	Bình quân lương thực (kg/người)	330,2	320,0	347,2	344,5	351,8																				
b	Vẽ biểu đồ * Bảng xử lí : TỐC ĐỘ TĂNG DÂN SỐ, SẢN LƯỢNG VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC ĐẦU NGƯỜI (Đơn vị: %) <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>2000</th> <th>2007</th> <th>2013</th> <th>2015</th> <th>2019</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Dân số</td> <td>100</td> <td>106,3</td> <td>114,5</td> <td>117,7</td> <td>123,4</td> </tr> <tr> <td>Sản lượng lương thực</td> <td>100</td> <td>103,0</td> <td>120,4</td> <td>122,8</td> <td>131,5</td> </tr> <tr> <td>Bình quân lương thực</td> <td>100</td> <td>97,0</td> <td>105,3</td> <td>104,4</td> <td>106,7</td> </tr> </tbody> </table> * Biểu đồ: (Tham khảo biểu đồ sau) TỐC ĐỘ TĂNG DÂN SỐ, SẢN LƯỢNG VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC ĐẦU NGƯỜI, GIAI ĐOẠN 2000 – 2019	Năm	2000	2007	2013	2015	2019	Dân số	100	106,3	114,5	117,7	123,4	Sản lượng lương thực	100	103,0	120,4	122,8	131,5	Bình quân lương thực	100	97,0	105,3	104,4	106,7	0,75
Năm	2000	2007	2013	2015	2019																					
Dân số	100	106,3	114,5	117,7	123,4																					
Sản lượng lương thực	100	103,0	120,4	122,8	131,5																					
Bình quân lương thực	100	97,0	105,3	104,4	106,7																					
	<p style="text-align: center;"> ▲ Dân số ● Sản lượng lương thực □ Bình quân lương thực </p>	1,00																								
	c	Nhận xét và giải thích: * Nhận xét: - Dân số, sản lượng và bình quân sản lượng lương thực đầu người toàn thế giới đều có xu hướng tăng, song mức tăng khác nhau. - Sản lượng lương thực tăng nhanh nhất, tiếp sau là tăng dân số... bình quân lương thực tăng, giảm không ổn định... * Giải thích: - Sản lượng lương thực toàn thế giới tăng, xuất phát từ những thành tựu khoa học ngày càng được áp dụng nhiều vào sản xuất cùng với nhu cầu sử dụng tăng. - Dân số thế giới tăng: do gia tăng tự nhiên chủ yếu ở các nước đang phát triển, tuy nhiên mức tăng thấp hơn tăng sản lượng lương thực → bình quân lương thực tăng chậm.	0,25 0,25 0,25 0,25																							
5	a	Trình bày hoạt động của gió mùa mùa Đông ở nước ta.	1,50																							
		- Nguồn gốc... - Thời gian... - Tính chất (hướng...đầu mùa ...giữa và cuối mùa) - Phạm vi, mức độ ảnh hưởng...	0,25 0,25 0,50 0,50																							
	b	Mùa khô ở miền khí hậu phía Bắc bớt khắc nghiệt hơn so với miền khí hậu phía Nam: - Miền khí hậu phía Bắc vào mùa khô có sự hoạt động của gió mùa Đông Bắc, kèm theo hoạt động của frông gây mưa; mặt khác với nền nhiệt thấp đã hạn chế sự bốc hơi... - Trong khi đó miền khí hậu phía Nam bị thống trị bởi tín phong BCB → khô sâu sắc...	0,25 0,25																							
TỔNG ĐIỂM 5 CÂU			10,00																							

